

Số: **63** /2022/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **09** tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ hoạt động  
khuyến nông trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU  
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;*

*Căn cứ các Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông; Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;*

*Xét Tờ trình số 4399/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 581/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.**

## **Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Nông nghiệp & PTNT, Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Giàng Páo Mỹ**



**QUY ĐỊNH**

**Nội dung chi, mức hỗ trợ hoạt động khuyến nông  
trên địa bàn tỉnh**

*(Kèm theo Nghị quyết số 63 /2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2. Nội dung chi, mức hỗ trợ**

1. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

a) Chi thù lao giảng viên; phụ cấp tiền ăn, phương tiện đi lại, phòng nghỉ cho giảng viên:

- Thù lao cho giảng viên: Áp dụng mức chi quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định kèm theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh *(sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND)*.

- Phụ cấp tiền ăn, phương tiện đi lại, phòng nghỉ cho giảng viên: Áp dụng mức chi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh quy định mức công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh *(sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND)*.

b) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học *(không bao gồm tài liệu tham khảo)*; chi văn phòng phẩm; vật tư thực hành lớp học; in chứng chỉ; chi phòng học; thuê thiết bị phục vụ học tập *(nếu có)*; chi tổ chức khai giảng, bế giảng; chi khác phục vụ trực tiếp lớp học *(điện, nước, thông tin liên lạc, vệ sinh)*: Mức chi hỗ trợ theo quy định hiện hành của nhà nước, trên cơ sở hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

c) Chi thuê hội trường, giải khát giữa giờ áp dụng theo khoản 4, Điều 3

Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND; Chi tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế áp dụng theo khoản 7 Điều 4 Quy định kèm theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND; Thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có) áp dụng theo khoản 6 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND).

d) Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ

- Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

+ Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước: hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho người học thì đơn vị được hỗ trợ 100% chi phí dịch vụ gồm điện, nước, chi phí khác (nếu có).

+ Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% tiền ăn, đi lại, chỗ ở (trong trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo thuê chỗ nghỉ cho người học) theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND. Trường hợp đơn vị bố trí chỗ ở cho người học thì đơn vị được hỗ trợ 100% chi phí dịch vụ gồm điện, nước, chi phí khác (nếu có).

- Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

+ Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo: Nội dung, mức hỗ trợ như đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nêu trên.

+ Chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp: Được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); tiền ăn, tiền đi lại, chỗ ở được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ đối với đối tượng nhận chuyển giao là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo.

+ Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).

e) Chi khảo sát học tập trong và ngoài nước

- Đối với khảo sát, học tập trong nước: Hỗ trợ tiền ăn, nơi ở thực hiện theo điểm d khoản này; hỗ trợ chi phí thuê phương tiện đưa, đón người học thực hiện

theo hợp đồng, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

- Đối với khảo sát, học tập ngoài nước: Mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

## 2. Thông tin tuyên truyền

a) Chi xây dựng nội dung tuyên truyền khuyến nông, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Chi nhuận bút cho tác phẩm (*tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...*) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Mức chi áp dụng theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và các quy định hiện hành của tỉnh.

c) Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, hội nghị sơ kết, tham quan học tập, tổng kết khuyến nông

- Chi phí thuê hội trường, tài liệu, nước uống; chi hỗ trợ tiền ăn, nơi ở, đi lại cho đại biểu tham gia diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, hội nghị sơ kết, tham quan học tập, tổng kết khuyến nông theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- Chi chủ tọa và Ban cố vấn, Báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo: áp dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

d) Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng (*trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt*); chi thông tin tuyên truyền hội chợ, chi hoạt động của Ban tổ chức.

e) Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Nội dung, mức chi áp dụng quy định tại Nghị quyết số 118/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh quy định cụ thể một số mức chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật

của người dân tại cơ sở và công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

### 3. Xây dựng và nhân rộng mô hình khuyến nông

#### a) Xây dựng mô hình

- Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu:

+ Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình.

+ Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình.

+ Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng các loại mô hình theo quy định hiện hành.

- Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:

+ Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, thuê xe: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp.

+ Chi bồi dưỡng cho giảng viên, nước uống, hỗ trợ tiền ăn, xăng xe: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

b) Nhân rộng mô hình: Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

### 4. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

- Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều này.

- Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm thực hiện theo điểm a, điểm c khoản 2 Điều này.

- Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp

đồng: Mức chi thực hiện theo chứng từ chi tiêu hợp pháp và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### 5. Nội dung chi khác

Hợp tác quốc tế về khuyến nông; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông; quản lý nhiệm vụ khuyến nông; các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông và các quy định hiện hành có liên quan.

#### 6. Điều khoản chuyển tiếp

a) Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt.

b) Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

c) Nếu trong cùng một nội dung hỗ trợ có nhiều chính sách quy định tại các văn bản khác nhau thì các tổ chức, cá nhân chỉ được hỗ trợ từ một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất; đối với các nội dung chi, mức hỗ trợ không quy định trong Nghị quyết này thực hiện theo các văn bản quy định của cấp có thẩm quyền đã ban hành.

d) Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí**

1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên do ngân sách địa phương bảo đảm cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

3. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.